

Giải vở bài tập [Toán 2](#) bài 137: Các số có ba chữ số

Câu 1. Nối (theo mẫu):

Câu 2. Nối (theo mẫu)

420	Bảy trăm chín mươi mốt
690	Tám trăm mười lăm
368	Bốn trăm hai mươi
502	Ba trăm sáu mươi tám
791	Năm trăm linh hai
815	Sáu trăm chín mươi

A line connects the number 368 to the text "Ba trăm sáu mươi tám".

Câu 3. Viết (theo mẫu):

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số

356	3	5	6	ba trăm năm mươi sáu
653				
	5	6	3	
				hai trăm chín mươi một
708				
	9	1	0	
				tám trăm mười lăm
500				

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)

- Số 999 đọc là “chín chín chín”. ☐
- Số 999 đọc là “chín trăm chín mươi chín”. ☐

b)

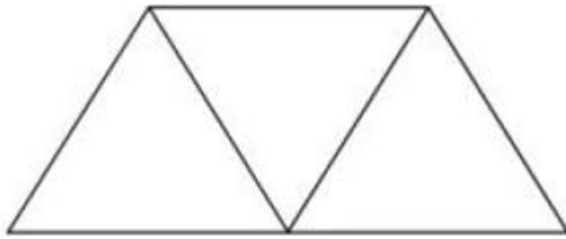
- Số 306 đọc là “ba mươi sáu”. ☐
- Số 306 đọc là “ba trăm linh sáu”. ☐

Câu 5. Số?

Trong hình bên:

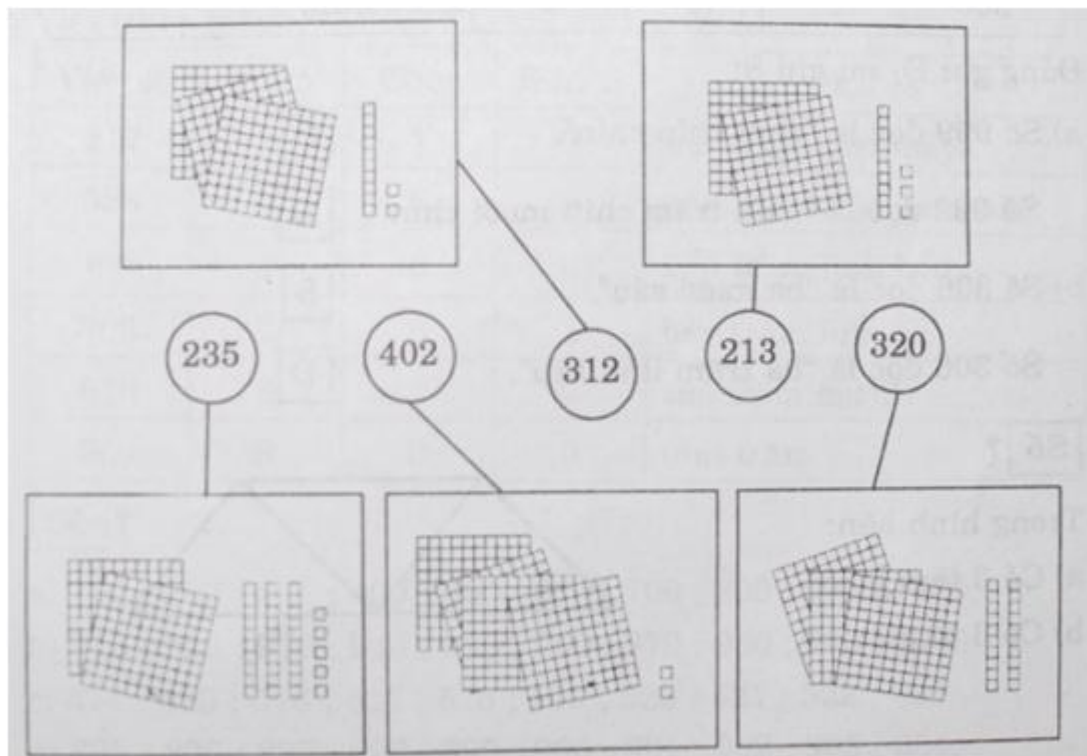
- a) Có hình tam giác.
- b) Có hình tứ giác.



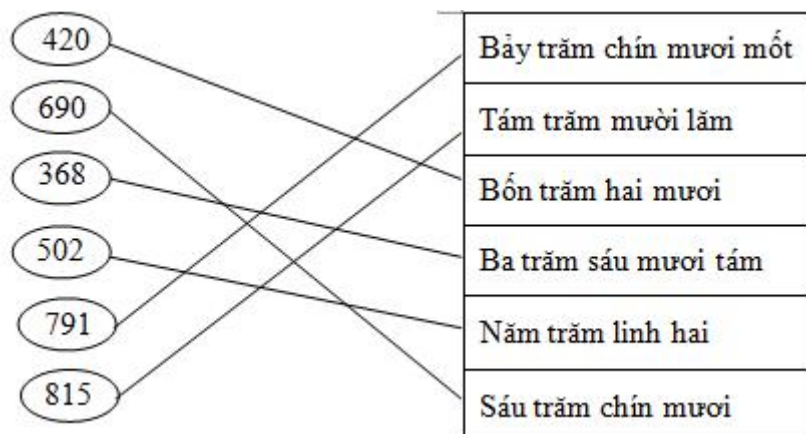


Bài giải [vở bài tập Toán 2](#):

Câu 1. Nối (theo mẫu):



Câu 2. Nối (theo mẫu)



Câu 3. Viết (theo mẫu)

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
356	3	5	6	ba trăm năm mươi sáu
653	6	5	3	sáu trăm năm mươi ba
563	5	6	3	năm trăm sáu mươi ba
291	2	9	1	hai trăm chín mươi một
708	7	0	8	bảy trăm linh tám
910	9	1	0	chín trăm mười
815	8	1	5	tám trăm mười lăm
500	5	0	0	năm trăm

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)

- Số 999 đọc là “chín chín chín”. ☐ S
- Số 999 đọc là “chín trăm chín mươi chín”. ☐ D

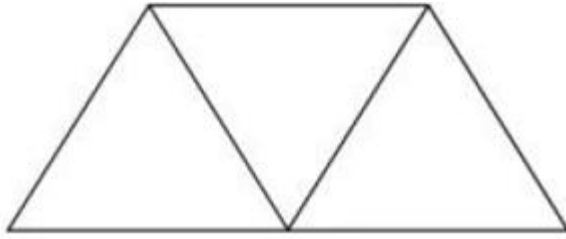
b)

- Số 306 đọc là “ba mươi sáu”. ☐ S
- Số 306 đọc là “ba trăm linh sáu”. ☐ D

Câu 5. Số?

Trong hình bên:





- a) Có 3 hình tam giác.
- b) Có 3 hình tứ giác.

Tham khảo toàn bộ Toán lớp 2 nâng cao:

<https://vndoc.com/toan-lop-2-nang-cao>